

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI THEO ĐỊNH HƯỚNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ỨNG DỤNG

Đỗ Hồng Cường, Nguyễn Văn Thắng, Tô Hồng Đức

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Đại học ứng dụng là chương trình Đại học chú trọng đào tạo, phát triển năng lực thực hành của sinh viên, gắn kết đào tạo với thực tế sản xuất; nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được vào thực tiễn cuộc sống. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu xây dựng theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện nay đang nghiên cứu xây dựng mô hình đại học ứng dụng vừa đáp ứng được với nhu cầu của xã hội đồng thời mang giá trị đặc trưng về văn hóa, con người của Thủ đô ngàn năm văn hiến. Bài viết này, tập trung nghiên cứu một số giải pháp phát triển Trường Đại học Thủ đô theo hướng đại học ứng dụng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Từ khóa: Mô hình Đại học ứng dụng, gắn kết đào tạo với thực tế sản xuất. nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên.

Nhận bài ngày 28.6.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.8.2023

Liên hệ tác giả: Đỗ Hồng Cường; Email: dhcuong@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), là cuộc cách mạng có tốc độ phát triển nhanh chưa từng có trong lịch sử, đã và đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội trong đó có giáo dục đào tạo. Sự tác động đó đã và đang đặt ra những yêu cầu vô cùng cấp bách cho sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục-đào tạo (GD&ĐT) nhất là đối với hình thức đào tạo theo định hướng đại học ứng dụng. Chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng là chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người. Đây chính là thách thức trong việc đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của thời đại. Trong đó, có tác động trực

tiếp đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên ở các cơ sở giáo dục nói chung, đội ngũ giảng viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội nói riêng.

Mô hình trường đại học ứng dụng còn được gọi là mô hình POHE tên viết tắt của cụm từ Professional Oriented Higher Education – Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng. Bản chất cốt lõi của chương trình đào tạo POHE so với chương trình đào tạo truyền thống chính là giải quyết hiệu quả nhu cầu việc làm, cung ứng nhân sự chất lượng cao cho doanh nghiệp (Phạm Anh Tuấn và cộng sự, 2016). Đã có nhiều quốc gia trên thế giới phát triển mô hình đào tạo đại học ứng dụng và đã đạt được những thành quả nhất định, có thể kể đến một số quốc gia đi đầu trong ngành giáo dục và đào tạo như Mỹ, Australia, Hà Lan, Na Uy hay Nhật Bản,... Định hướng đào tạo của từng cá nhân, sinh viên theo trình độ đại học ứng dụng sẽ có chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, tay nghề sẵn sàng bắt tay ngay vào công việc ngay khi ra trường. Sinh viên không chỉ hiểu được ngành nghề đang đào tạo mà còn được trang bị kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực chuyên môn đồng thời cập nhật những thay đổi trong lĩnh vực nhằm bắt kịp thời đại (Hiệp hội các trường Đại học và Cao đẳng Việt Nam, 2017). Học viên học tập, trải nghiệm ngay trong khi thực hành, chất lượng giáo dục đảm bảo cho sinh viên là sự liên kết hợp giữa nhà trường - doanh nghiệp - người học với nhau (Trần Thị Vân Hoa và cộng sự, 2017).

Trước bài toán thất nghiệp sau khi ra trường cùng thực trạng thừa thầy thiếu thợ và “con khát” nhân sự chuyên môn cao tại Việt Nam hiện nay, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội kịp thời phân định rõ hơn trong chuyên ngành và mô hình chương trình đào tạo để đáp ứng các tiêu chí khắt khe của các doanh nghiệp đặc biệt tạo ra cơ hội rộng mở để sinh viên có môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức lương và đãi ngộ hợp lý cho các sinh viên khi làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Từ đó làm tiền đề để Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo hướng đại học ứng dụng. Tuy nhiên, số lượng các trường đại học ứng dụng hay các Khoa, các ngành nghề chuyên ngành đào tạo nghề nghiệp theo hướng đào tạo ứng dụng trong trường đại học tại Việt Nam chưa nhiều. Mặt khác chưa được phân định rõ vẫn còn mơ hồ nên việc phát triển trường đại học theo hướng ứng dụng còn gặp nhiều khó khăn và thách thức cần được khắc phục, phát huy trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, tư tưởng sinh viên lựa chọn trường nổi tiếng, trường công lập của sinh viên Việt Nam một phần làm hạn chế định hướng nghề nghiệp đúng đắn. Cần hiểu đúng bản thân và lựa chọn ngôi trường, phương pháp học tập phù hợp. Xã hội hiện nay không còn là xã hội của bằng cấp mà là xã hội của tư duy, năng lực bản thân để quyết định thành công vì vậy việc lựa chọn môi trường đào tạo phù hợp bản thân và thực tế xã hội chính là nền tảng cốt lõi nhất của mỗi người. Nắm bắt được những nhu cầu và những xu hướng nêu trên thì tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã xây dựng chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng tập trung vào việc thực hiện các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, sản xuất, chế tạo các công cụ phục vụ sản xuất và đời sống dựa trên cơ sở những thiết kế có sẵn đồng thời chú trọng đào tạo, phát triển năng lực thực hành của người học, gắn kết đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp; nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được vào thực tiễn cuộc sống; cung cấp nguồn nhân lực có kiến

thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động đa dạng của các địa phương, các vùng và các tổ chức kinh tế để trường từng bước tiến tới Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo hướng ứng dụng trong thời gian gần nhất

Thuật ngữ Đại học ứng dụng

Mô hình đại học ứng dụng (còn gọi là mô hình POHE) là tên viết tắt của cụm từ Professional Oriented Higher Education – Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng. Bản chất cốt lõi Đại học ứng dụng là tạo nên sự khác biệt của chương trình đào tạo POHE so với các chương trình đào tạo truyền thống, đó là đáp ứng nhu cầu của thị trường việc làm, cung ứng nhân sự chất lượng cao cho các doanh nghiệp.

Mô hình này hướng tới việc đào tạo các cử nhân có chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, tay nghề sẵn sàng bắt tay vào công việc trong thời đại mới. Không chỉ hiểu được ngành nghề đang đào tạo, sinh viên còn được trang bị kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực chuyên môn đồng thời cập nhật những thay đổi trong lĩnh vực ấy bắt kịp thời đại. Học viên học tập ngay trong khi thực hành, chất lượng giáo dục đảm bảo giữa nhà trường – doanh nghiệp – người học.

Một số đặc trưng của trường đại học theo định hướng ứng dụng:

- Đào tạo đội ngũ nhân lực chủ yếu theo hướng ứng dụng;
- Đào tạo đa ngành và linh hoạt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo chủ yếu trình độ đại học và trình độ thạc sĩ ứng dụng;
- Nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung vào việc phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người;
- Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 15% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học;
- Có hệ thống phòng thí nghiệm nghiên cứu phát triển, cơ sở sản xuất thử nghiệm, trung tâm ươm tạo công nghệ...

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về một số mô hình cơ sở giáo dục đại học hiện nay

2.1.1. Căn cứ thực hiện

Nghị định 73/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2015 về quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, văn bản này không còn được sử dụng do không phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

Mặc dù vậy, cho tới thời điểm này, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa trình Chính phủ ban hành theo điều 7 về “Cơ sở giáo dục đại học”. Theo đó, tại mục 4 và mục 5, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học yêu cầu:

Căn cứ vào năng lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở giáo dục đại học xác định mục tiêu phát triển, định hướng hoạt động như sau:

- a) Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu;
- b) Cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng.

Chính phủ quy định chi tiết việc công nhận cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu trên cơ sở kết quả đào tạo, nghiên cứu; chuyển trường đại học thành đại học; liên kết các trường đại học thành đại học; việc chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học từ thực sang cơ sở giáo dục đại học từ thực hoạt động không vì lợi nhuận; nguyên tắc đặt tên, đổi tên cơ sở giáo dục đại học; tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học được thành lập theo hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.”

Bên cạnh đó, tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học tại điều 10 có đề cập việc “Công nhận cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu”. Đây chính là những cơ sở quan trọng để nhà trường, xây dựng định hướng ứng dụng trong Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.1.2. Một số nội dung so sánh mô hình cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng

Bảng 1. So sánh một số nội dung của cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng (Phạm Anh Tuấn và cộng sự, 2016)

TT	Nội dung	ĐH theo định hướng nghiên cứu	ĐH theo định hướng ứng dụng
1	Vị trí, vai trò trong hệ thống giáo dục đại học	Là cơ sở giáo dục đại học có hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học; phát triển các công nghệ nguồn; cung cấp nguồn nhân lực có năng lực giảng dạy và nghiên cứu cơ bản; có năng lực chủ trì nghiên cứu giải quyết các nhiệm vụ, đề tài khoa học cấp quốc gia và quốc tế.	Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo đội ngũ nhân lực chủ yếu theo hướng ứng dụng; nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung vào việc phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người; có năng lực chủ trì nghiên cứu, giải quyết những nhiệm vụ, đề tài khoa

			học và công nghệ cấp quốc gia và tham gia nghiên cứu, giải quyết những nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ khu vực và quốc tế.
2	Quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo	a) Quy mô đào tạo của các chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu trình độ đại học, thạc sĩ và đào tạo trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; b) Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chiếm trên 30% tổng quy mô đào tạo của các ngành, chuyên ngành theo định hướng nghiên cứu; c) Có ít nhất 3 chuyên ngành đào tạo từ đại học đến tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học cơ bản ứng dụng ở 3 nhóm ngành khác nhau.	a) Quy mô đào tạo của các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học, thạc sĩ chiếm ít tỷ lệ lớn nhất trong tổng quy mô đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học; b) Ngành nghề đào tạo đa dạng, linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; c) Đào tạo chủ yếu trình độ đại học và trình độ thạc sĩ ứng dụng; một số ít chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nghiên cứu và trình độ tiến sĩ.
3	Cơ cấu hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ	a) Có đơn vị nghiên cứu phù hợp với ngành đào tạo như: Viện nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu khoa học cơ bản, cơ sở nghiên cứu khoa học ứng dụng, trung tâm phát triển công nghệ nguồn; b) Tỷ lệ chi cho hoạt động khoa học công nghệ chiếm ít nhất 20% tổng chi cho các hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học; c) Giảng viên cơ hữu phải dành ít nhất 50% tổng thời gian làm việc định mức cho hoạt động nghiên cứu khoa học;	a) Có hệ thống phòng thí nghiệm nghiên cứu phát triển, cơ sở sản xuất thử nghiệm, trung tâm ươm tạo công nghệ; b) Tỷ lệ chi cho hoạt động khoa học công nghệ chiếm ít nhất 20% tổng chi cho các hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học; c) Hằng năm tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ có kết quả nghiên cứu được

		d) Có ít nhất 80% giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu tham gia nghiên cứu khoa học có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước hằng năm; đ) Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 30% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học; đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu, tỷ lệ này không thấp hơn 50%; e) Mỗi chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này phải có ít nhất 1 Giáo sư hoặc 3 Phó Giáo sư là giảng viên cơ hữu; g) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của các chương trình định hướng nghiên cứu không quá 15.	công bố trên các tạp chí khoa học công nghệ chuyên ngành trong và ngoài nước hoặc chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tế trên tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học không thấp hơn 70%; d) Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 15% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học; đ) Tỷ lệ bình quân sinh viên/giảng viên trong toàn cơ sở giáo dục đại học không quá 25.
--	--	---	---

2.2. Định hướng phát triển đại học ứng dụng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Với mục tiêu chung là trở thành trường đại học theo hướng ứng dụng thì tại các Khoa, chuyên ngành đào tạo là những nhân tố chủ chốt cần phấn đấu và làm tiền đề phát triển trở thành những đơn vị chủ lực của Nhà trường đào tạo đa ngành chất lượng cao trong cả nước. Phát triển Trường ngang tầm song có nhiều điểm khác biệt với những nét đặc trưng nổi bật so với các trường Đại học, Cao đẳng khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Tập trung tăng cường xây dựng các chương trình đào tạo đại học chất lượng cao làm nền tảng phát triển chương trình đào tạo bồi dưỡng và sau đại học. Đặt biệt đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo; đảm bảo tạo được sự chuyển biến về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng về kỹ thuật và công nghệ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 cho địa bàn Thủ đô và khu vực, địa phương lân cận.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo sự đồng bộ và gắn kết với nhu cầu xã hội thông qua thị trường lao động và các doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược nâng cao khả năng hội nhập, năng lực hợp tác và sức cạnh tranh của các đơn vị thuộc Nhà trường đối với các trường đại học, cao đẳng khác trong khu vực.

Chú trọng phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa sự phát triển của Nhà trường với sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội và khu vực lân cận; kết hợp chặt chẽ sự phát triển

của nhà Trường với nhu cầu của thị trường lao động; gắn kết chặt chẽ giữa sự phát triển của Nhà trường với sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường và các bên liên quan bên ngoài. Góp phần thúc đẩy các Khoa chuyên ngành đào tạo nói riêng và toàn Trường Đại học Thủ đô Hà Nội nói chung phát triển nguồn nhân lực lao động chất lượng cao, tự chủ đại học, tự chủ học thuật và khẳng định thương hiệu trong nước và quốc tế. (Nguyễn Hùng Hậu, 2017).

2.3. Mục tiêu phát triển

- *Mục tiêu tổng quát:* Mục tiêu tổng quát của của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là: “Xây dựng, phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thành trường đại học ứng dụng có nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tư vấn dịch vụ liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý có uy tín tại khu vực” (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

- *Mục tiêu cụ thể:*

Xây dựng các Khoa, Phòng ban, Trung tâm có đội ngũ giảng viên, nhân viên đạt và vượt chuẩn của Nhà trường đề ra theo quy định hiện hành cho từng năm.

Phân đầu đến năm 2030 định hướng 2040, các Khoa sẽ có các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và xa hơn là đào tạo tiến sĩ. Quy mô tuyển sinh của các Khoa hàng năm khoảng 500 - 1.000 sinh viên cho các ngành đào tạo.

Phân đầu đến 2030, tỷ lệ giảng viên toàn trường có trình độ thạc sĩ trở lên đạt trên hơn 97%, các Khoa đào tạo có trên 50% CBGV có trình độ tiến sĩ.

Tích cực bổ sung đội ngũ giảng viên mỗi năm có thêm từ 3 - 5 giảng viên mới cho đến năm 2030 các Khoa có trên 30 giảng viên để giảng dạy hơn 50 chuyên ngành đào tạo của toàn Trường và Khoa. Có đề tài cấp Thành phố, Tỉnh được nghiệm thu với kết quả tốt, 5 – 10 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu thành công.

Tập trung xây dựng một số ngành nghề trọng điểm, có ít nhất 1 – 2 chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng như ISO, AACSB, AUN-QA phân đầu trong đến năm 2030 có thêm 1 - 2 chuyên ngành đào tạo cử nhân hoặc thạc sĩ liên kết với các Trường tiên tiến ở nước ngoài như: Anh, Mỹ, Úc, vv...

2.4. Chiến lược phát triển

Để đạt được những mục tiêu đề ra thì Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cần đưa ra lộ trình và thực hiện các chính sách phù hợp với chiến lược phát triển của thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Trong đó chiến lược của Trường cần tập trung vào 5 lĩnh vực sau:

Thứ nhất, Tổ chức quản lý: Từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức tại Trường từ hoạt động hiệu quả, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ được UBND Thành Phố, Hội đồng trường và Ban giám hiệu giao cho trong quá trình hoạt động.

Thứ hai, Đội ngũ giảng viên: Được xác định là chiến lược trọng tâm của các khoa làm tiền đề quan trọng để giữ vững, phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của toàn Trường. Xây dựng được đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ năng và nghiệp vụ trong quá trình thích ứng và chuyển đổi thành trường đại học ứng dụng trong thời kỳ chuyển đổi số và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội đặt ra là một trong những yếu tố chủ chốt để xây dựng trường đại học ứng dụng.

Thứ ba, Công tác đào tạo: Phát triển chất lượng đào tạo tại trường một cách hợp lý và theo nhu cầu xã hội tập trung vào các ngành thế mạnh thuộc những lĩnh vực và quản lý của từng Khoa.

Thứ tư, Cơ sở vật chất: Nâng cao và hoàn thiện cơ sở vật chất của toàn trường nói chung và các các khoa, phòng ban theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phấn đấu ngang bằng với các trường đại học, cao đẳng khác trên địa bàn thành phố Hà Nội và các địa phương lân cận.

Thứ năm, Người học: Người học đóng vai trò trọng tâm trong nhiệm vụ đào tạo của nhà trường và của các khoa chủ quản chính vì vậy đầu vào là những sinh viên phải đảm bảo năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ theo tiêu chuẩn của trường và của từng khoa. Đặc biệt là yêu cầu xã hội để sau khi tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và thỏa mãn nhu cầu của thị trường lao động đặt ra.

Thứ sáu, Liên kết doanh nghiệp và hợp tác quốc tế: Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ giảng viên toàn trường; xây dựng các chương trình đào tạo liên kết với các doanh nghiệp để tạo cơ hội cho sinh viên vừa có sự trải nghiệm thông qua các chuyến thực tập, kiến tập doanh nghiệp vừa là nơi thực hành thực tế và cơ hội việc làm trong tương lai cho sinh viên khi ra trường.

2.5. Ưu điểm theo hướng phát triển đại học ứng dụng tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Đại học ứng dụng mang đến những hiệu quả thực tiễn cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội và giải quyết tốt bài toán việc làm sau khi ra trường với những ưu điểm sau:

- Chương trình giáo dục dựa trên tình hình thực tế, trang bị kiến thức, kỹ năng giúp người học sẵn sàng tham gia các ngành nghề cụ thể.
- Giáo dục định hướng ứng dụng, đào tạo nhân lực có tay nghề; kích hoạt năng lực sáng tạo, tự nhận thức thích nghi với thế giới việc làm.
- Chương trình học mang tính thực hành; tập trung nâng cao kỹ năng nghề nghiệp giúp sinh viên sẵn sàng tham gia ngành nghề cụ thể.
- Nhiều giờ học ngoại khóa, kiến tập doanh nghiệp với thời lượng gồm 70% thực hành và 30% lý thuyết. Trong đó doanh nghiệp trực tiếp tham gia chương trình đào tạo, trường đại học xây dựng mô hình đào tạo theo mô tả của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng nếu đáp ứng được yêu cầu.

2.6. Các giải pháp phát triển theo hướng đại học ứng dụng tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 định hướng 2040

Từ những chiến lược đã đề ra của trường đến năm 2025 định hướng 2030 thì tất cả các bộ phận cần phần đầu tập trung vào 5 lĩnh vực nêu trên thì các giải pháp thực hiện cần bám sát vào các công việc cụ thể như sau:

Thứ nhất, Xây dựng và ban hành quy chế tổ chức hoạt động của các khoa, phòng ban gắn với các mục tiêu phát triển và định hướng chung của trường đối với từng thành viên tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Thứ hai, Xây dựng chính sách thu hút đội ngũ giảng viên và nhân viên có kinh nghiệm bên cạnh việc tuyển chọn bổ sung đội ngũ giảng viên, nhân viên trẻ có năng lực và ưu tiên tuyển các giảng viên có học vị thạc sĩ, tiến sĩ và tốt nghiệp từ các trường đại học có uy tín ở nước ngoài, bằng cấp được thừa nhận tại Việt Nam cùng nhiều năm kinh nghiệm đối với các chuyên ngành được phân công đào tạo tại khoa.

Thứ ba, Tiếp tục ổn định quy mô đào tạo với số lượng tăng hàng năm từ 10-15%; đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề đào tạo trong khoa và toàn trường; mở rộng thêm các địa bàn liên kết đào tạo ngoài các địa bàn thành phố Hà Nội thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin như zoom, google meet, tạo cơ hội cho người dạy và người học linh động và sáng tạo hơn trong quá trình dạy và học.

Thứ tư, Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị dụng cụ đáp ứng nhu cầu xã hội đối với người học thông qua các chuyên ngành của các khoa và phòng ban, mua mới các giáo trình, tài liệu để đảm bảo tối thiểu cho giảng viên, sinh viên sử dụng trong giảng dạy, nghiên cứu, học tập trực tiếp hoặc qua internet tại trường. Các phòng học, phòng thực hành đảm bảo diện tích phục vụ cho công tác đào tạo và trải nghiệm của sinh viên.

Thứ năm, Rà soát, cập nhật và điều chỉnh tiêu chuẩn đánh giá người học đáp ứng đầu vào và đầu ra để công bố cho tất cả sinh viên nắm rõ từ đó người học trang bị đầy đủ nhất về kỹ năng kiến thức cả trước và sau khi ra trường. Có chương trình thiết thực gắn kết giữa nhà trường và thị trường lao động, sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của nhà trường gắn trực tiếp với người học.

Thứ sáu, Xây dựng chính sách nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên, nhân viên. Đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường việc hợp tác doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế, đẩy mạnh việc giao lưu trao đổi học thuật mở rộng quan hệ, tìm kiếm các đối tác hướng đến một mạng lưới liên kết mở rộng, quảng bá hình ảnh của các khoa và nhà trường một cách rộng rãi đến các doanh nghiệp tạo cơ hội cho sinh viên có việc làm và chỗ thực tập khi ra trường.

5. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0, các trường Cao đẳng và Đại học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc sáng tạo tri thức mới, chuyển giao và chia sẻ tri thức, ứng dụng tri thức và công nghệ hiện đại, cũng như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Vì vậy việc chọn trường, chọn ngành luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu của học sinh và phụ huynh sau khi tốt nghiệp THPT.

Đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời, các bạn trẻ mong muốn chọn được ngành học, môi trường học phù hợp với nhu cầu xã hội, khả năng bản thân và mục tiêu gần nhất là có việc làm ngay khi ra trường. Chính vì vậy mà mô hình đại học ứng dụng đã ra đời và mang đến những hiệu quả thực tiễn cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội và giải quyết tốt bài toán việc làm sau khi ra trường cũng như góp phần thúc đẩy các trường từ Cao đẳng cho đến Đại học tại Việt Nam luôn phấn đấu để đạt được những thành tích và kết quả cao nhất trong quá trình phát huy những thế mạnh của trường mà điển hình nhất là Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tuấn Anh, Huỳnh Thành Công, Phạm Minh Khôi (2016). Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: bối cảnh, các xu hướng lớn và những sản phẩm điển hình. *Tạp chí Tự động hóa ngày nay*, số 5.
2. Trần Thị Vân Hoa và cộng sự (2017). *Cách mạng công nghiệp 4.0 - Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Nguyễn Hùng Hậu (2017). Một số vấn đề triết học của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 7.
4. Hiệp hội các trường Đại học và Cao đẳng Việt Nam (2017). *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế - Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và ứng dụng tại các trường Đại học và Cao đẳng Việt Nam*. Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2017). *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*.

SOME SOLUTIONS TO DEVELOP HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY BASED ON APPLIED UNIVERSITY ORIENTATION

Tóm tắt: *Applied University is a University program that focuses on training and developing students' practical capacity, linking training with real production; Scientific and technological research focuses on implementing applied research results into real life. The application-oriented training program has the goal of developing basic research results, applying source technologies into technological solutions, management processes, and designing complete tools to serve customers. serving diverse human needs. Hanoi Capital University is currently researching and building an applied university model that meets the needs of society while also bringing the unique cultural and human values of the capital city with thousands of years of civilization. This article focuses on researching some solutions to develop Capital University towards an applied university in the context of the 4.0 industrial revolution.*

Từ khóa: *Applied University model, linking training with actual production. improve the quality of the teaching staff.*